TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM THỦY** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày: 12/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tính; ông Dương Đình Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2024/TLST-HS, ngày 24 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Phạm Văn N, sinh ngày: 20/7/1974, tại: xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn V, C, C, Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Tăng B (Đã chết); con bà Phạm Thị H (Đã chết); có vợ là Phạm Thị H1 - Sinh năm: 1972; Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/4/2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện C. Bị cáo có mặt.

Bị hại: Anh Lê Minh H2, sinh năm 1992; địa chỉ: Thộn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Lê Đức D, sinh năm 1984; địa chỉ: Thộn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Sỹ N1, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 15 giờ 20 phút, ngày 11/01/2024, đồng chí Thượng úy Nguyễn Sỹ N1 - Cán bộ Công an xã C đến nhà Phạm Văn N sinh năm 1974 trú tại Thôn V, xã C, huyện C để mời Nghị đến trụ sở Công an xã làm việc về việc Phạm Văn N thường có biểu hiện thường xuyên uống rượu say. Khi đến nơi Phạm Văn N đang ở nhà nhưng trong tình trạng bị ảnh hưởng do vừa uống rượu, khi nghe đồng chí N1 thông báo nội dung công việc và mời N về trụ sở làm việc thì N cho rằng cán bộ Công an đến để bắt mình nên không chấp hành và vào trong nhà đóng cửa không hợp tác. Đồng chí N1 cùng với chị Phạm Thị H1 vợ của Phạm Văn N phân tích thuyết phục nhưng N vẫn cho rằng công an đến để bắt mình nên cố ở trong nhà không ra ngoài. Sau khi thuyết phục không được thì đồng chí N1 đi ra cổng để đi về thì Phạm Văn N đã cầm hai thanh kim loại đe dọa đuổi đồng chí N1. Chị H1 ôm giữ và lấy thanh kim loại đi. Thấy tình hình phức tạp, đồng chí N1 đã gọi điện báo cáo đồng chí Đại úy Nguyễn Thị T, phó trưởng Công an xã nội dung sự việc và đề nghị tăng cường lực lượng đến phối hợp giải quyết. Sau đó hai đồng chí gồm Lê Đức D và Lê Minh H2 đến để thuyết phục vận động Phạm Văn N phối hợp làm việc, tuy nhiên N vẫn ở trong nhà, đóng cửa không cho các cán bộ Công an tiếp cận, đồng thời sử dụng các vật dụng như ống kim loại, búa để thách thức cán bộ công an bắt được mình. Nhận thấy Phạm Văn N không hợp tác và có biểu hiện say rượu nên tổ công tác đã đi ra cổng để về đơn vị. Khi thấy cán bộ công an đi ra cổng thì N cầm theo hai thanh kim loại, một cái búa mở cửa đi ra ngoài, sau đó cầm một thanh kim loại ném về phía cán bộ công an nhưng không trúng ai, tổ công tác đã yêu cầu N bỏ gậy và búa xuống. Tuy nhiên, N không chấp hành mà đi vào trong nhà và tiếp tục đóng cửa lại. Lúc này, tổ công tác chia ra đứng tại nhiều vị trí, thì một lúc sau N đi ra ngoài và lại khu vực hòn non bộ trước nhà, thấy vậy đồng chí H2 đi lại về phía Nghị. Khi phát hiện đồng chí H2 đi lại gần thì Phạm Văn N đã nhặt một hòn đá (đá trang trí hòn non bộ) đập về phía đồng chí H2 (trúng vào phía sau đầu) rồi bỏ chạy. Ngay sau đó, đồng chí D, đồng chí N1 đã khống chế đưa Phạm Văn N về trụ sở Công an xã để làm việc. Đồng chí Lê Minh H2 bị thương chảy máu phải đến Bệnh viện đã khoa huyện C để điều trị.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 106/KLTTCT-PYTH ngày 29/01/2024, của Trung tâm P, kết quả khám giám định đối với Lê Minh H2 như sau:

- Sẹo vết thương phần mềm vùng chẩm phải; kích thước sẹo nhỏ: 01% (Thông tư 22/2019/TT – BYT, Bảng 1 chương 8; mục I;1)

Kết luận: Căn cứ thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm thương tổn cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Minh H2 tại thời điểm giám định là: 01% (Một phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

Tại bản cáo trạng số 29/CT- VKSCT- TA ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy truy tố Phạm Văn N tội "*Cố ý gây thương tích"* theo điểm a, điểm k, khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Người bị hại anh Lê Minh H2 có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Nay anh và bị cáo cùng gia đình đã thỏa thuận bồi thường xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng cũng có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, điểm k khoản 1 Điều 134; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 54 Bộ luật hình sự; Điều 136; Điều 106; Khoản 5 Điều 328; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội: "Cố ý gây thương tích". Đề nghị xử phạt bị cáo mức án 03 đến 04 tháng tù và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Về vật chứng: Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với biên bản xem xét dấu vết trên thân thể và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 11/01/2024 tại thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, Phạm Văn N đã có hành vi dùng hòn đá (đá trang trí hòn non bộ) là hung khí nguy hiểm, đập vào phía sau đầu bên phải của anh Lê Minh H2 khi anh H2 đang thi hành công vụ, gây thương tích, làm tổn thương cơ thể là 01% (Một phần trăm). Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm a, điểm k khoản 1 điều 134 Bộ luật hình sự, như Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, không những xâm phạm đến sức khỏe của người khác mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội, đặc biệt đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người thi hành công vụ. Mặc dù bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, tỷ lệ thương tích 01%, nhưng trong thời gian bị cáo tại ngoại tại địa phương đã nhiều lần uống rượu, đập phá đồ đạc, và gây mất trật tự hàng xóm, do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra Quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn, bắt tạm giam bị cáo là có căn cứ. Việc xử lý nghiêm minh bị cáo theo quy định của pháp luật và áp dụng mức hình phạt tù đối với bị cáo là cần thiết.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng: Không có.

[5]. Về hình phạt: Xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo bị bắt tạm giam đến hôm nay (12/7/2024) là tròn 3 tháng. Thời gian tạm giam này cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo, là bài học sâu sắc, giúp bị cáo cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Do đó, HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, áp dụng hình phạt dưới khung, với mức án 03 tháng bằng thời gian bị cáo bị tạm giam và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa là phù hợp, đảm bảo tính trừng trị cũng như sự khoan hồng của pháp luật.

[6]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Hai bên đã thỏa thuận bồi thường xong, bị hại không yêu cầu, nên không xem xét.

[7]. Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra có thu giữ 01 hòn đá không rõ hình, kích thước (9,5x2,5)cm và 01 (một) hòn đá không rõ hình, kích thước (8,5x3,5)cm (được vỡ từ một hòn đá); 01ống kim loại hình trụ tròn, đường kính 1,5cm dài 160cm; 01 (một) ống kim loại hình trụ tròn, đường kính 1cm dài 160cm; 01 (một) chiếc búa có cấu tạo gồm hai phần, phần đầu búa bằng kim loại, kích thước (10,5x4x3,5)cm; phần cán búa bằng gỗ tròn đường kính 3,5cm, dài 22cm. Các tang vật trên không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[8]. *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, điểm k, khoản 1 Điều 134; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 136; Điều 106; Khoản 5 Điều 328; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 điều 21; Khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn N phạm tội "Cố ý gây thương tích"

2. Xử phạt: Bị cáo 03 tháng tù. Thời tù tính từ ngày 12/4/2024. Thời hạn phạt tù bằng thời hạn tạm giam, bị cáo đã chấp hành xong, do đó trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

3. Về vật chứng của vụ án: Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 hòn đá không rõ hình, kích thước (9,5x2,5)cm và 01 (một) hòn đá không rõ hình, kích thước (8,5x3,5)cm (được vỡ từ một hòn đá); 01ống kim loại hình trụ tròn, đường kính 1,5cm dài 160cm; 01 (một) ống kim loại hình trụ tròn, đường kính 1cm dài 160cm; 01 (một) chiếc búa có cấu tạo gồm hai phần, phần đầu búa bằng kim loại, kích thước (10,5x4x3,5)cm; phần cán búa bằng gỗ tròn đường kính 3,5cm, dài 22cm. (Các tang vật trên hiện đang lưu kho tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy, theo biên bản giao nhận tang vật ngày 23/5/2024).

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn N phải chịu 200.000đ án phí HSST.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Người bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy;
- Phòng KTNV & THA - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- P7 - VSKND Tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT C.an huyện Cẩm Thủy;
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dung